

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày 28/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn An;

Ông Trịnh Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Trần Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2018 đối với Bị cáo :

1. Họ và tên: **Kiều Quốc Q** (tên gọi khác: Không);

Sinh ngày 11 tháng 6 năm 1996; tại huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Hộ khẩu thường trú, chỗ ở: Khu 4, xã B, huyện Th, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Kiêu Nam C - Sinh năm: 1970 và bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1970;

Vợ, con: chưa có;

Tiền án: 01 tiền án về tội “trộm cắp tài sản” theo bản án số 45/2016/HS-ST ngày 31/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Phú Thọ, xử phạt Bị cáo Q 04 tháng 06 ngày tù;

Tiền sự: không;

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã bị xử lý kỷ luật*): không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 15/3/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh NLQ1, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Khu 4, xã B, huyện Th, tỉnh Phú Thọ, (Vắng mặt);

Anh NLQ2, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Khu 4, Thị trấn T, huyện Th, tỉnh Phú Thọ, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 12/03/2018, Q nhận được điện thoại của một người tên là N ở xã C, huyện Tha, tỉnh Phú Thọ hỏi mua 10 viên Ma túy tổng hợp, Q đồng ý bán với giá 3.500.000 đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) và cho thêm 02 viên nữa. Hai bên hẹn địa điểm giao Ma túy và tiền tại xóm C, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Khoảng 30 phút sau, Q thuê xe Taxi của anh Hoàng Văn N đi từ nhà lên địa điểm đã hẹn. Khi đi, Q mang theo 01 gói Nilon màu đen, bên trong là gói Nilon màu trắng đựng 12 viên Ma túy tổng hợp. Trên đường đi, N gọi điện hẹn lại Q là có việc bận không đến được và nhờ người em của mình nhận thay, địa điểm được hai bên thống nhất là đỉnh dốc C, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Đến nơi hẹn, Q nhìn thấy một nam thanh niên đứng đợi ở lề đường, người này dùng điện thoại gọi cho Q, Q bảo lái xe dừng lại rồi xuống gặp người thanh niên, người này đưa cho Q 2.500.000 đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), khi Q đang đếm tiền và chuẩn bị giao Ma túy thì Tổ công tác công an huyện T đến kiểm tra. Quá trình kiểm tra, người thanh niên đã bỏ chạy, Q vớt số tiền và gói Ma túy xuống đất gần chân Q đang đứng. Tổ công tác đã lập biên bản sự việc, thu giữ số tiền 2.500.000 đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng), niêm phong gói Nilon chứa 12 viên Ma túy tổng hợp.

Quá trình điều tra Q khai nhận: khoảng vài tháng trước đây Q mua một gói Ma túy trong đó gồm nhiều viên từ một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ tại khu vực gần chợ xã B, huyện Th, tỉnh Phú Thọ với giá 5.000.000 đ (năm triệu đồng). Q mang về nhà cất, giấu để bán kiếm lời.

Ngày 13/3/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Q. Quá trình khám xét đã thu giữ 01 gói Ma túy gồm 93 viên được giấu trong chiếc Giày đế tại gian giữa nhà Q.

Trong quá trình Điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, Bị cáo Q đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

2. Về các vấn đề khác của vụ án:

Ngày 13/3/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định chất ma túy đối với số viên nén màu vàng, hình Tam giác thu giữ của Q khi kiểm tra niêm phong trong bì giấy số 01 và số viên nén màu vàng hình Tam giác thu giữ tại nơi ở của Q niêm phong trong bì giấy số 02. Tại bản kết luận giám định số: 323/KLGĐ ngày 15/03/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ xác định *“12 viên nén đều màu vàng và có hình Tam giác, được niêm phong trong bì giấy số 01 gửi giám định là Ma túy; có tổng khối lượng là 1,888 gam, loại MDMA và Methamphetamine. 93 viên nén đều màu vàng và có hình Tam giác, được niêm phong trong bì giấy số 02 gửi giám định là Ma túy, có tổng khối lượng là 15,056 gam, loại MDMA và Methamphetamine”*.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên, Bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định nêu trên.

Ngày 15/3/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố Bị can và lệnh bắt Bị can để tạm giam về tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”* theo khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (dưới đây xin gọi tắt là BLHS năm 2015).

Đối với người đàn ông Q khai đã bán Ma túy cho Q tại khu vực gần chợ xã B, huyện Th, tỉnh Phú Thọ. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được người đàn ông đó là ai nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

Đối với người đàn ông tên là N ở xã C, huyện Tha, tỉnh Phú Thọ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được người đàn ông đó là ai nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

Đối với người nam thanh niên trực tiếp đưa tiền, nhận Ma túy từ Q, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được người đó là ai nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

3. Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản cáo trạng số 16/CT-VKS ngày 01/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố Bị cáo Kiều Quốc Q về tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”* theo điểm i, khoản 2, Điều 251 của BLHS năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên Quyết định

truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm i, khoản 2 Điều 251; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52 của BLHS năm 2015.

Xử phạt Bị cáo Kiều Quốc Q từ 8 (tám) đến 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 15 tháng 3 năm 2018).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo;

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 điều 47 BLHS năm 2015; Khoản 1, Khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.5000.00đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), do Q phạm tội mà có.

- Tịch thu, bán nộp Ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu vàng đã qua sử dụng thu giữ của Bị cáo;

- Tịch thu và tiêu hủy các đồ vật gồm: 14,708 gam Ma túy đựng trong 02 bì giấy được niêm phong dán kín bên ngoài được đóng 05 hình dấu màu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ là mẫu vật còn lại sau giám định.

- Xác nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ đã trả lại tài sản số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho anh NLQ2 và trả lại tài sản cho kiều Quốc Q do anh NLQ1 (là bố đẻ) nhận thay 01 chìa khóa kim loại có chuỗi nhựa màu đen; 01 dây chuyền kim loại màu vàng, đen; 01 nhẫn kim loại màu trắng có mặt màu đen. Theo biên bản trả lại đồ vật, tài liệu lập ngày 21/3/2018 là hợp pháp.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, Bị cáo không ai có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt, cho Bị cáo mức án thấp nhất để Bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa Bị cáo, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội.

Tại phiên tòa hôm nay Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản Cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung Cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai.

Lời khai nhận của Bị cáo thống nhất, phù hợp với Biên bản sự việc, Biên bản khám xét và Biên bản niêm phong vật chứng, biên bản kiểm tra điện thoại, kết luận giám định, đồng thời phù hợp với lời khai của Người làm chứng, Người chứng kiến, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận:

Vào hồi 19 giờ 30 phút ngày 12/3/2018, tại Dốc C thuộc địa phận xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ tổ công tác của Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ đã bắt quả tang Kiều Quốc Q bán 12 viên Ma túy tổng hợp loại MDMA và Methamphetamine cho một nam thanh niên không rõ tên, tuổi, địa chỉ, có tổng khối lượng là 1,888 gam và nhận từ người này số tiền 2.500.000đ.

Ngoài ra, Bị cáo còn cất dấu tại nơi ở 93 viên Ma túy cùng loại, có tổng khối lượng là 15,056 gam. Mặc dù, Bị cáo có hành vi tàng trữ 93 viên Ma túy tổng hợp loại MDMA và Methamphetamine, tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay đã xác định rõ Bị cáo tàng trữ nhằm mục đích bán kiếm lời. Ngoài ra không còn mục đích nào khác. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ truy tố Bị cáo với tội danh mua bán trái phép chất Ma túy là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định hành vi mua bán trái phép chất Ma túy của Kiều Quốc Q đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i, khoản 2, Điều 251 của BLHS năm 2015. Cụ thể:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

(...)

i) Hêrôin, cocain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR -11 có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam”.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:* Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chế độ độc quyền về quản lý các chất Ma túy của Nhà nước là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Mặt khác, Ma túy là chất gây nghiện, nó đầu độc hệ thần kinh con người, hủy hoại giống nòi, Người nghiện ma túy có thể dẫn đến các hành vi phạm tội khác như:

Trộm cắp, Cướp tài sản, Giết người....Do đó, hành vi của Bị cáo cần bị xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Tại bản án số 45/2016/HS-ST ngày 31/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Phú Thọ, xử phạt Bị cáo Q 04 tháng 06 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đến thời điểm phạm tội mới Bị cáo chưa được xóa án tích, do vậy, Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là “tái phạm” theo quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 BLHS năm 2015.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay Bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Do đó, Bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, Điều 51 BLHS năm 2015.

Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của Bị cáo là rất nghiêm trọng, chỉ vì mục đích lợi nhuận, Bị cáo đã bất chấp hậu quả xấu gây ra cho xã hội, cố ý thực hiện tội phạm. Bên cạnh đó Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự Tái phạm. Do vậy, cần áp dụng Điều 38 của BLHS năm 2015, xử phạt Bị cáo bằng hình thức tù có thời hạn theo đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cần xem xét đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để áp dụng cho Bị cáo theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 251 BLHS năm 2015 thì *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản "*.

Tại biên bản xác minh ngày 18/3/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ đã xác định: Bị cáo hiện không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì, đang sống phụ thuộc vào gia đình. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo là phù hợp.

[4] Đối với người đàn ông Bị cáo khai đã bán Ma túy cho Bị cáo tại khu vực gần chợ xã B, huyện Th, tỉnh Phú Thọ và người đàn ông tên là N ở xã C, huyện Tha, tỉnh Phú Thọ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được những người đó là ai nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

Đối với người nam thanh niên đã liên lạc để trực tiếp nhận Ma túy, chuyển tiền cho Bị cáo. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T không xác định được người đó là ai nên không có căn cứ để xử lý trong vụ án này.

[5] Xác nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ đã trả lại tài sản số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho anh NLQ2 và trả lại tài sản cho kiều Quốc Q do anh NLQ1 (là bố đẻ) nhận thay 01 chìa khóa kim loại có chuôi nhựa màu đen; 01 dây chuyền kim loại màu vàng, đen; 01 nhẫn kim loại màu trắng có mặt màu đen. Theo biên bản trả lại đồ vật, tài liệu lập ngày 21/3/2018 là hợp pháp.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Ma túy là vật cấm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu và tiêu hủy.
- 01 chiếc điện thoại di động màu vàng nhãn hiệu IPHONE đã qua sử dụng, là phương tiện Bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu, bán nộp ngân sách Nhà nước.

- Tiền Việt Nam 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), là do Bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận .

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người có quyền lợi ích liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ kết tội, tội danh:

- Căn cứ vào điểm i, khoản 2 Điều 251; điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố Bị cáo Kiêu Quốc Q phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt:

- Xử phạt Bị cáo Kiêu Quốc Q 8 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 15 tháng 3 năm 2018).

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Bị cáo.

3. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng khoản 1điều 47 BLHS năm 2015; Khoản 1, Khoản 2, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu 01 chiếc điện thoại di động màu vàng nhãn hiệu IPHONE đã qua sử dụng của bị cáo Kiêu Quốc Q bán nộp ngân sách Nhà nước;

- Tịch thu 14,708 gam Ma túy loại MDMA và Methamphetamine đựng trong 02 bì giấy được niêm phong dán kín bên ngoài được đóng 05 hình dấu màu đỏ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ là mẫu vật còn lại sau giám định để tiêu hủy.

Vật chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T ngày 20/6/2018.

Xác nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ đã trả lại tài sản số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho anh NLQ2 và trả lại tài sản cho kiêu Quốc Q

do anh NLQ1 (là bố đẻ) nhận thay 01 chìa khóa kim loại có chuỗi nhựa màu đen; 01 dây chuyền kim loại màu vàng, đen; 01 nhẫn kim loại màu trắng có mặt màu đen. Theo biên bản trả lại đồ vật, tài liệu lập ngày 21/3/2018 là hợp pháp.

4. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc Bị cáo Kiều Quốc Q phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Toà án ND tỉnh ;
- VKSND tỉnh, huyện ;
- Sở tư pháp tỉnh;
- THA (dân sự + hình sự);
- Công an huyện ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hà Giang